

SỞ GD&ĐT NINH BÌNH
TRƯỜNG THPT NAM TRỰC

DANH MỤC CÁC KHOẢN THU
VÀ CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ, MIỄN, GIẢM, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
NĂM HỌC 2025-2026

(Theo Quyết định số 108/QĐ-THPT NT ngày 01/10/2025 của Hiệu trưởng trường THPT Nam Trực)

I/DANH MỤC CÁC KHOẢN THU

STT	Nội dung	Số tiền	Số tháng thu	Văn bản quy định mức thu
I	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục			
1	Trông giữ xe đạp, xe đạp điện			
	Xe đạp	10.000 đ/HS/tháng	9 tháng	Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/9/2025. Quyết định số 01/2017/QĐ – UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định
	Xe đạp điện	15.000đ/HS/tháng		
2	Nước uống học sinh	10.000 đ/HS/tháng	9 tháng	Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/9/2025. Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh Nam Định
II	Các khoản thu hộ, chi hộ			
1	Bảo hiểm y tế			
	Lớp 12	473.850 đ/HS/năm học	9 tháng	Công văn số 336/BHXH – QLT ngày 21/8/2025 của Bảo hiểm Xã hội tỉnh Ninh Bình
	Lớp 10, 11	631.800 đ/HS/năm học	12 tháng	

II/CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ, MIỄN GIẢM VÀ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

A/Đối tượng được miễn học phí:

- Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông (học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông) trong cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng nếu đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.
- Học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người khuyết tật;
- Học sinh từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.
- Học sinh, sinh viên hệ cử tuyển
- Học sinh trường dự bị đại học, khoa dự bị đại học;

7. Học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông, bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

8. Học sinh người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của Chính phủ quy định chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền.

9. Người học thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

B/Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập:

1. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mồ côi cả cha lẫn mẹ.

2. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người khuyết tật.

3. Trẻ em mầm non, học sinh phổ thông học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp ở với ông bà) thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Trẻ em học mầm non, học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ (trong trường hợp ở với người giám hộ) có nơi thường trú và đang học tại cơ sở giáo dục ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, hoặc học tại cơ sở giáo dục trên địa bàn khác theo quy định của địa phương trong trường hợp trên địa bàn thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo không có cơ sở giáo dục.

C/Thủ tục và hồ sơ xét hỗ trợ chi phí học tập:

+ Đơn xin hỗ trợ chi phí học tập theo mẫu Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025;

+ Giấy xác nhận mồ côi cả cha lẫn mẹ do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp (nếu thuộc đối tượng học sinh mồ côi);

+ Giấy xác nhận khuyết tật hoặc quyết định về việc trợ cấp xã hội do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp (nếu thuộc đối tượng là người khuyết tật);

+ Giấy xác nhận hộ nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường cấp (nếu thuộc đối tượng hộ nghèo)

Đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, mỗi đầu học kỳ phải nộp bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo để làm căn cứ xét hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo. Đối với học sinh thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập thuộc các đối tượng còn lại chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả năm học.

Căn cứ trên các hồ sơ của học sinh, nhà trường lập hồ sơ trình Sở Giáo dục và Đào tạo xét duyệt cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập. Sau khi được cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập nhà trường chi trả cho học sinh bằng tiền mặt thông qua bộ phận tài vụ nhà trường.

III/MỘT SỐ LƯU Ý:

1. Khi có sự thay đổi về mức thu theo các văn bản quy định của cấp trên, nhà trường sẽ có văn bản thông báo điều chỉnh.

2. Đối với các khoản thu theo thỏa thuận, thu hộ - chi hộ được pháp luật cho phép, nhà trường sẽ thông báo công khai sau khi đã thống nhất với cha mẹ học sinh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho các đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại
Nghị định số 238 /2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ)
Kính gửi: Trường THPT Nam Trực

Họ và tên: Số căn cước/căn cước công dân:.....

Là cha/mẹ (hoặc người giám hộ) của em :.....

Hiện đang học tại lớp:

Trường:

Thuộc đối tượng:

Căn cứ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, tôi làm đơn này đề nghị được xem xét để
được cấp tiền hỗ trợ chi phí học tập theo quy định hiện hành.

..., ngày... tháng... năm...
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký tên và ghi rõ họ tên)